

# CHÍNH TẢ

(1 tiết)

## I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Rèn kĩ năng chính tả :

1. Nghe – viết đúng chính tả, trình bày đúng (thể thơ lục bát) 10 dòng đầu của bài thơ *Nhớ Việt Bắc*.

2. Làm đúng các bài tập phân biệt : cặp vần dễ lẫn (au/âu), âm đầu (l/n), âm giữa vần (i/iê).

## II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

– Bảng lớp viết 2 lần nội dung BT2.

– Ba băng giấy viết nội dung các câu tục ngữ ở BT3a hay 3b.

## III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

### A - KIỂM TRA BÀI CŨ

GV mời 1 HS đọc cho 2 hoặc 3 bạn viết bảng lớp (cả lớp viết nháp) 3 từ có vần ay/ây, 2 từ bắt đầu bằng l/n (hoặc có âm giữa vần i/iê). VD : *thứ bảy, giày dép, dạy học, no nê, lo lắng* (MB) ; *thứ bảy, giày dép, dạy học, kiếm tìm, niên học* (MN).

### B - DẠY BÀI MỚI

#### 1. Giới thiệu bài

GV nêu MĐ, YC của tiết học.

#### 2. Hướng dẫn nghe – viết

a) *Hướng dẫn HS chuẩn bị*

– GV đọc 1 lần đoạn thơ. 1 HS đọc lại. Cả lớp theo dõi bạn đọc.

– Hướng dẫn HS nhận xét. GV hỏi :

+ *Bài chính tả có mấy câu thơ ? (5 câu là 10 dòng thơ)*

+ *Đây là thơ gì ? (thơ 6 – 8, còn gọi là lục bát)*

+ *Cách trình bày các câu thơ thế nào ? (Câu 6 viết cách lề vở 2 ô, câu 8 – viết cách lề vở 1 ô.)*

+ *Những chữ nào trong bài chính tả viết hoa ? (Các chữ đầu dòng thơ, danh từ riêng *Việt Bắc*)*

– HS đọc thầm lại 5 câu thơ, tự viết ra nháp các chữ các em dễ mắc lỗi khi viết bài.

b) GV đọc cho HS viết bài

c) Chấm, chữa bài

### 3. Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả

a) Bài tập 2

– GV nêu yêu cầu của bài.

– HS làm bài CN.

– GV mời 2 tổp HS (mỗi tổp 3 em) tiếp nối nhau thi làm bài trên bảng lớp (đã viết 2 lần nội dung BT). Mỗi em viết 1 dòng (VD : hoa *mẫu* đơn/mưa *mau* hạt), sau đó chuyển phần cho bạn viết dòng sau. HS cuối cùng đọc kết quả làm bài của cả nhóm. Cả lớp và GV nhận xét (về chính tả, phát âm), chốt lại lời giải đúng.

– Năm đến bảy HS đọc lại kết quả. GV sửa lỗi phát âm cho các em.

– HS sửa bài theo lời giải đúng :

hoa *mẫu* đơn – mưa *mau* hạt

lá *trầu* – đàn *trầu*

*sấu* điểm – quả *sấu*

b) Bài tập (3) – lựa chọn

– GV chọn cho HS làm BT3a hay 3b. Nhắc HS làm BT3b chú ý : i/iê là các âm giữa vần.

– Cách tiến hành tương tự BT2 : GV mời 3 tổp (mỗi tổp 4 em) tiếp nối nhau điền vào 4 chỗ trống trên băng giấy – BT3a ; mỗi tổp 3 em tiếp nối nhau điền vào 3 chỗ trống trên băng giấy – BT3b. Cuối cùng, nhiều HS đọc lại các câu tục ngữ đã hoàn chỉnh.

– GV giải nghĩa từ ngữ : *tay quai* (cách nói hình tượng : hai tay chống nạnh hai bên hông như quai nôi, không chịu lao động) ; *miệng trể* (*trể* : từ cổ xưa, có nghĩa là *lười biếng* [*trể nải*] → miệng không có gì ăn).

(Lời giải :

Câu a) – Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trể

– Nhai kĩ **no** lâu, cày sâu tốt lúa.

Câu b) – **Chim** có tổ, người có tông.

– **Tiên** học lễ, hậu học văn.

– **Kiến** tha lâu cũng đầy tổ.)

#### **4. Củng cố, dặn dò**

– GV yêu cầu HS về nhà đọc lại BT2,(3), ghi nhớ chính tả, HTL các câu tục ngữ ở BT(3).

– Tiếp tục chuẩn bị nội dung để thực hiện tốt BT2 của tiết TLV tới (*Giới thiệu với đoàn khách đến thăm lớp về các bạn trong tổ em*).